



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 17 tháng 7 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 17 tháng 7 năm 2019. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Woncheol Park

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 24 tháng 4 năm 2019)
Thành viên
(từ ngày 24 tháng 4 năm 2019)
Thành viên
(từ ngày 24 tháng 4 năm 2019)
Thành viên
(đến ngày 23 tháng 4 năm 2019)
Thành viên
(đến ngày 23 tháng 4 năm 2019)

Ông Nguyễn Đoàn Hùng

Ông David Tan Wei Ming

Ông Lars Kjaer

Ông Dominic Edward Salter Price

Ban Tổng Giám đốc

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Michael Hung Nguyen
Ông Nguyễn Anh Nguyên

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp lý

Dr Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá định hoạt động liên tục trừ khi giá định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Dr Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00258-19-1



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		4.642.741.175.079	4.577.655.260.097
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	440.720.560.467	681.197.208.270
Tiền	111		920.560.467	1.197.208.270
Các khoản tương đương tiền	112		439.800.000.000	680.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.926.520.000.000	1.524.338.390.000
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	1.926.520.000.000	1.499.990.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	24.348.390.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.262.231.849.681	2.363.413.470.974
Phải thu của khách hàng	131		-	11.879.382.264
Trả trước cho người bán	132		6.050.000	330.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.262.225.799.681	2.351.204.088.710
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.268.764.931	8.706.190.853
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.411.118.821	848.544.743
Thuế phải thu Nhà nước	153	8	7.857.646.110	7.857.646.110
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		22.702.063.317.048	22.793.654.397.661
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	3.767.234.624.274	4.020.557.774.958
Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.470.000.000.000	2.800.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.297.234.624.274	1.220.557.774.958
Tài sản cố định	220		9.505.059.817	10.825.312.617
Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.481.849.590	10.774.250.102
Nguyên giá	222		35.579.458.245	35.402.523.245
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.097.608.655)	(24.628.273.143)
Tài sản cố định vô hình	227	10	23.210.227	51.062.515
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.673.912.676)	(4.646.060.388)
Tài sản dở dang dài hạn	240		696.685.231	553.352.503
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		696.685.231	553.352.503
Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.924.173.145.328	18.761.352.942.046
Đầu tư vào các công ty con	251	6(b)	14.545.336.067.692	14.382.515.864.410
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	6(c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Tài sản dài hạn khác	260		453.802.398	365.015.537
Chi phí trả trước dài hạn	261		453.802.398	365.015.537
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27.344.804.492.127	27.371.309.657.758

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

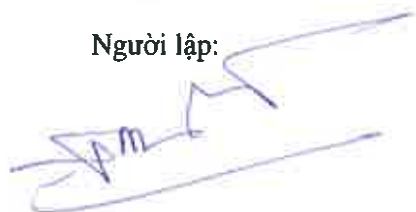
Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		3.094.056.349.270	3.130.547.276.519
Nợ ngắn hạn	310		3.094.056.349.270	3.130.547.276.519
Phải trả người bán	311		389.500.000	-
Chi phí phải trả	315	11	96.155.699.270	115.286.104.269
Phải trả ngắn hạn khác	319		11.150.000	25.261.172.250
Trái phiếu ngắn hạn	320	12	2.997.500.000.000	2.990.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		24.250.748.142.857	24.240.762.381.239
Vốn chủ sở hữu	410	13	24.250.748.142.857	24.240.762.381.239
Vốn cổ phần	411	14	11.689.464.470.000	11.631.495.480.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	14	11.084.356.541.079	11.084.416.541.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.172.265.314.346	3.220.188.542.728
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		3.220.188.542.728	1.383.417.646.444
- (Lỗ kỳ này)/lợi nhuận năm trước	421b		(47.923.228.382)	1.836.770.896.284
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27.344.804.492.127	27.371.309.657.758

Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Dr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

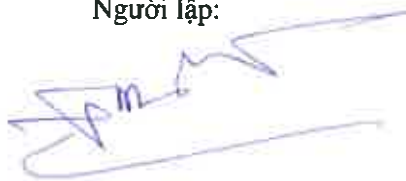
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****Mẫu B 02a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	185.714.653.575	1.487.800.233.515
Chi phí tài chính	22	18	143.250.000.000	468.538.345.212
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		135.750.000.000	438.718.193.684
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	90.387.881.957	97.473.973.060
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		(47.923.228.382)	921.787.915.243
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)	50		(47.923.228.382)	921.787.915.243
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	20	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(47.923.228.382)	921.787.915.243

Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chínhDr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(47.923.228.382)	921.787.915.243
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.497.187.800	811.968.244
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(25.119)	8.451.721.043
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(185.651.470.918)	(1.486.098.435.539)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		143.250.000.000	457.648.193.684
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(88.827.536.619)	(97.398.637.325)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu và tài sản khác	09		84.888.452.230	(1.735.969.363)
Giảm các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(43.675.927.249)	(32.880.807.103)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(4.651.360.939)	19.497.966.126
Tăng chứng khoán kinh doanh	13		(426.530.000.000)	-
			(478.796.372.577)	(112.517.447.665)
Tiền lãi vay đã trả	14		(136.125.000.000)	(423.592.916.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(614.921.372.577)	(536.110.364.331)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(320.267.728)	(2.633.259.813)
Tiền chi cho các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(590.000.000.000)	(89.348.390.000)
Tiền thu từ các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		944.348.390.000	109.210.730.000
Tiền chi đầu tư	25		(162.820.203.282)	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		-	379.584.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi cho vay và cổ tức	27		125.267.790.665	43.574.527.290
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		316.475.709.655	440.387.607.477

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		57.968.990.000	57.705.740.000
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(17.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		57.968.990.000	57.688.340.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(240.476.672.922)	(38.034.416.854)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		681.197.208.270	129.224.525.040
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		25.119	70.152
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	440.720.560.467	91.190.178.338

Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính



Dr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 41 nhân viên (1/1/2019: 35 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí phát triển phần mềm vi tính chưa được hoàn tất. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển.

(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, lãi cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phí đi vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(o) Chi trả bằng cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo mệnh giá được ghi nhận theo mệnh giá.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán so với các ước tính được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	64.826.703	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	855.733.764	1.132.381.567
Các khoản tương đương tiền	439.800.000.000	680.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	440.720.560.467	681.197.208.270
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

6. Đầu tư

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	1.926.520.000.000	1.499.990.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	24.348.390.000
	<hr/>	<hr/>
	1.926.520.000.000	1.524.338.390.000
	<hr/>	<hr/>
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (b)	14.545.336.067.692	14.382.515.864.410
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
	<hr/>	<hr/>
	18.924.173.145.328	18.761.352.942.046
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a)	Chứng khoán kinh doanh	30/6/2019		1/1/2019					
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
	Trái phiếu của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con	10.000.000	1.000.000.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
	Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan, một công ty con	8.899.900	889.990.000.000	(*)	-	14.999.900	1.499.990.000.000	(*)	-
	Trái phiếu khác	3.653	36.530.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
			<u>1.926.520.000.000</u>	(*)	-	<u>1.499.990.000.000</u>		(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá trị ghi số.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh như sau:

	Trái phiếu của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo VND	Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan VND	Trái phiếu khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	-	1.499.990.000.000	-	1.499.990.000.000
Tăng trong kỳ	1.000.000.000.000	500.000.000.000	36.530.000.000	1.536.530.000.000
Thanh lý	-	(1.110.000.000.000)	-	(1.110.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	1.000.000.000.000	889.990.000.000	36.530.000.000	1.926.520.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	30/6/2019				1/1/2019					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Công ty TNHH MasanConsumerHoldings (“MCH”) ▪ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan (“MH”) ▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science) (“MML”) 	85,7%	85,7%	516.600.000.000	-	(**)	85,7%	85,7%	516.600.000.000	-	(**)
	99,9%	99,9%	11.950.000.000.000	-	(**)	99,9%	99,9%	11.950.000.000.000	-	(**)
	81,2%	81,2%	2.078.736.067.692	-	(**)	80,8%	80,8%	1.915.915.864.410	-	(**)
			14.545.336.067.692	-	(**)			14.382.515.864.410	-	(**)

(*) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 0,4% lợi ích trong MML.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MCH VND	MH VND	MML VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	516.600.000.000	11.950.000.000.000	1.915.915.864.410	14.382.515.864.410
Tăng trong kỳ	-	-	162.820.203.282	162.820.203.282
Số dư cuối kỳ	516.600.000.000	11.950.000.000.000	2.078.736.067.692	14.545.336.067.692

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	% hữu trên vốn cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	4.378.837.077.636	15,0%	4.378.837.077.636	13.553.555.649.150
	-	15,0%	10.669.820.404.650	-
	4.378.837.077.636	15,0%	4.378.837.077.636	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2019, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu từ các bên liên quan	2.191.433.305.639	2.332.562.237.382
Thu nhập lãi tiền gửi và trái phiếu phải thu	692.874.521	18.101.111.841
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	69.634.500.000	34.500.000
Phải thu khác	465.119.521	506.239.487
	<hr/>	<hr/>
	2.262.225.799.681	2.351.204.088.710

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 883.046 triệu VND (1/1/2019: 883.046 triệu VND) liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2019;
- 226.676 triệu VND (1/1/2019: 226.676 triệu VND) liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2019;
- 18.375 triệu VND (1/1/2019: 17.260 triệu VND) liên quan đến lãi phải thu của trái phiếu phát hành bởi một công ty con; và
- Khoản phải thu phi thương mại với số tiền là 1.063.336 triệu VND (1/1/2019: 1.063.336 triệu VND) liên quan đến khoản phải thu từ việc thanh lý 4.891.000 trái phiếu chuyển đổi của một công ty liên kết cho một công ty con. Khoản này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2019.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu từ một bên liên quan	2.470.000.000.000	2.800.000.000.000

(c) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu từ các bên liên quan	1.294.308.629.914	1.217.631.780.598
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.925.994.360	2.925.994.360
	1.297.234.624.274	1.220.557.774.958

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 2.571.608 triệu VND (1/1/2019: 2.824.932 triệu VND) liên quan đến một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con với số dư nợ gốc là 2.470.000 triệu VND (1/1/2019: 2.800.000 triệu VND) và lãi phải thu liên quan là 101.608 triệu VND (1/1/2019: 24.932 triệu VND). Khoản vay đáo hạn vào tháng 11 năm 2020 và hưởng lãi suất năm là 6,5%;
- 1.124.124 triệu VND (1/1/2019: 1.124.124 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của các khoản cho vay không được đảm bảo cấp cho các công ty con, số dư nợ gốc của các khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2020; và
- 68.576 triệu VND (1/1/2019: 68.576 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 11 năm 2021.

8. Thuế phải thu Nhà nước

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	398.015.743	398.015.743
Thuế nhà thầu nước ngoài	7.459.630.367	7.459.630.367
	7.857.646.110	7.857.646.110

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	27.701.486.269	7.701.036.976	35.402.523.245
Tăng trong kỳ	-	176.935.000	176.935.000
Số dư cuối kỳ	27.701.486.269	7.877.971.976	35.579.458.245
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	18.584.635.413	6.043.637.730	24.628.273.143
Khấu hao trong kỳ	1.256.193.630	213.141.882	1.469.335.512
Số dư cuối kỳ	19.840.829.043	6.256.779.612	26.097.608.655
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	9.116.850.856	1.657.399.246	10.774.250.102
Số dư cuối kỳ	7.860.657.226	1.621.192.364	9.481.849.590

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 21.009 triệu VND (1/1/2019: 20.907 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.646.060.388
Khấu hao trong kỳ	27.852.288
Số dư cuối kỳ	4.673.912.676
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	51.062.515
Số dư cuối kỳ	23.210.227

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 4.532 triệu VND (1/1/2019: 4.532 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí phải trả

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Chi phí lãi vay	76.875.000.000	77.250.000.000
Phí tư vấn	2.440.401.773	8.266.127.928
Chi phí khác	16.840.297.497	29.769.976.341
	96.155.699.270	115.286.104.269

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Trái phiếu

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trái phiếu ngắn hạn		
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	2.997.500.000.000	2.990.000.000.000
Trái phiếu dài hạn		
Trái phiếu dài hạn	2.997.500.000.000	2.990.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.997.500.000.000)	(2.990.000.000.000)
	-	-

Các trái phiếu của Công ty bao gồm 3.000 tỷ VND (1/1/2019: 3.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành, với thời gian đáo hạn là 2 năm và chịu lãi suất năm cố định là 9,0%. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Trong kỳ, Công ty đã tuân thủ các điều khoản đối với các trái phiếu trên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, công ty liên kết của Công ty sở hữu 113.942 triệu VND (1/1/2019: 38.492 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	11.573.739.740.000	6.855.539.345.096	(1.695.338.182.568)	(6.518.087.064.615)	1.383.417.646.444	11.599.271.484.357
Phát hành cổ phiếu	57.755.740.000	(50.000.000)	-	-	-	57.705.740.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	921.787.915.243	921.787.915.243
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	11.631.495.480.000	6.855.489.345.096	(1.695.338.182.568)	(6.518.087.064.615)	2.305.205.561.687	12.578.765.139.600
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	11.631.495.480.000	11.084.416.541.079	(1.695.338.182.568)	-	3.220.188.542.728	24.240.762.381.239
Phát hành cổ phiếu	57.968.990.000	(60.000.000)	-	-	-	57.908.990.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(47.923.228.382)	(47.923.228.382)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	11.689.464.470.000	11.084.356.541.079	(1.695.338.182.568)	-	3.172.265.314.346	24.250.748.142.857

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.168.946.447	11.689.464.470.000	1.163.149.548	11.631.495.480.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.168.946.447	11.689.464.470.000	1.163.149.548	11.631.495.480.000
Thặng dư vốn cổ phần		- 11.084.356.541.079		- 11.084.416.541.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được trừ đi các khoản cổ tức và phân phối khác mà Công ty đã trả, và sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của vốn cổ phần như sau:

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019		Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	1.163.149.548	11.631.495.480.000	1.157.373.974	11.573.739.740.000
Phát hành cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền	5.796.899	57.968.990.000	5.775.574	57.755.740.000
Số dư cuối kỳ	1.168.946.447	11.689.464.470.000	1.163.149.548	11.631.495.480.000

15. Chi trả bằng cổ phần

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phần dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phần trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên.

Trong tháng 6 năm 2019, Công ty đã phát hành 5.796.899 cổ phần cho nhân viên theo mệnh giá bằng tiền.

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	6.240.087.280	11.078.876.480
Trong vòng hai đến năm năm	1.284.523.240	7.524.610.520
	7.524.610.520	18.603.487.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Ngoại tệ**

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	279	6.483.460	286	6.611.098

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và trái phiếu	89.339.249.043	7.867.940.480
Thu nhập lãi từ các khoản cho một công ty con vay	85.043.150.686	-
Thu nhập lãi từ các khoản cho các bên khác vay	11.269.071.189	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	344.236.013.814
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	63.182.657	123.279.221
Thu nhập cổ tức từ các công ty con	-	1.135.573.000.000
	185.714.653.575	1.487.800.233.515

18. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Chi phí lãi vay từ:		
• Trái chủ và các bên khác	135.750.000.000	429.040.138.889
• Các công ty con	-	9.678.054.795
Chi phí phát hành trái phiếu	7.500.000.000	18.930.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	8.575.000.000
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	-	1.578.518.755
Chi phí khác	-	736.632.773
	143.250.000.000	468.538.345.212

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.497.187.800	811.968.244
Chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	88.890.694.157	96.662.004.816
	90.387.881.957	97.473.973.060

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 %	VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 %	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	100%	(47.923.228.382)	100%	921.787.915.243
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(20,00%)	(9.584.645.676)	20,00%	184.357.583.049
Biến động chênh lệch tạm thời	5,35%	2.565.286.582	0,07%	609.069.562
Thu nhập không chịu thuế	0,00%	-	(24,64%)	(227.114.600.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,15%	70.421.423	0,00%	42.851.163
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	14,50%	6.948.937.671	4,57%	42.105.096.226

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các chênh lệch tạm thời.

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trước đây là Công ty Cổ phần Masan Nutri- Science)	Thu nhập cổ tức		- 1.135.573.000.000
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Thu nhập lãi cho vay	85.043.150.686	-
Công ty con sở hữu gián tiếp Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan	Thu nhập lãi trái phiếu	66.361.146.370	-
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Chia sẻ chi phí công nghệ thông tin	1.439.326.008	2.528.347.812
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Chi phí lãi vay Cần trừ cổ tức phải thu với khoản vay Cần trừ cổ tức phải thu với lãi vay phải trả	- - -	9.678.054.795 937.000.000.000 82.918.630.139
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Thu nhập lãi trái phiếu	9.136.986.000	-
Các bên liên quan khác Techcombank và các công ty con	Mua chứng khoán kinh doanh	1.500.000.000.000	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao cho Ban quản lý chủ chốt (*)	10.590.390.445	9.977.175.330

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 2018.

22. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Từ 1/1/2019 đến 30/6/2019 VND	Từ 1/1/2018 đến 30/6/2018 VND
Cán trừ cô tức phải thu với khoản vay từ một công ty con	-	937.000.000.000
Cán trừ cô tức phải thu với lãi vay phải trả cho một công ty con	-	82.918.630.139

Ngày 15 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
*Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính*

Dr Nguyễn Đăng Quang
*Chủ tịch
Tổng Giám đốc*